### NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN TIẾNG VIỆT – CUỐI HỌC KÌ II

**Năm học 2023-2024**

**1. Đọc hiểu văn bản:**

- 4 chủ điểm: Sống để yêu thương, Uống nước nhớ nguồn, Quê hương trong tôi, Vì một thế giới bình yên**.**

**2. Kiến thức Tiếng Việt:**

- Nhận biết và đặt câu có: danh từ, động từ, tính từ. Phân biệt danh từ chung, danh từ riêng, cách viết danh từ riêng và tên cơ quan, tổ chức.

- Hiểu và sử dụng được một số từ ngữ thuộc 4 chủ điểm trên.

- Nắm được tác dụng và biết sử dụng dấu gạch ngang, dấu hai chấm, dấu ngoặc kép, dấu ngoặc đơn.

- Nhận biết và viết được câu chủ đề của đoạn văn.

- Xác định được CN – VN trong câu.

- Nhận biết và bước đầu cảm nhận được cái hay của những câu văn có sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá. Biết đặt câu có sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá.

- Nắm được đặc điểm và tác dụng của các bộ phận trạng ngữ bổ sung ý nghĩa chỉ nơi chốn, thời gian, nguyên nhân, mục đích và phương tiện cho câu.

**3. Tập làm văn**

- Thuật lại một sự việc.

- Kể chuyện.

- Viết đoạn văn tưởng tượng dựa theo câu chuyện.

- Miêu tả cây cối.

### II. PHÂN PHỐI TỈ LỆ ĐIỂM CHO CÁC MỨC

Mức 1: khoảng 40% (4 điểm);

Mức 2: khoảng 40% (4 điểm);

Mức 3: khoảng 20% (2 điểm);

**1. Kiểm tra đọc (10 điểm)**

a. Kiểm tra đọc thành tiếng kết hợp TLCH : 4 điểm

b. Đọc hiểu văn bản và kiến thức Tiếng Việt : 6 điểm

- Đọc hiểu văn bản : 3/6 điểm

- Kiến thức Tiếng Việt : 3/6 điểm

*\* Phân bố nội dung kiểm tra ở từng mức :*

Mức 1: khoảng 40%;

Mức 2: khoảng 40%;

Mức 3: khoảng 20%;

1. **Bài kiểm tra viết (10 điểm)**

***Kiểm tra viết đoạn, bài***:10 điểm

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mạch kiến thức, kĩ năng** | **Số câu và số điểm** | **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | | **Tổng** |
| TN  KQ | TL | TN  KQ | TL | TN  KQ | TL |
| Đọc thành tiếng | Số câu |  |  |  | 1 |  |  | 1 |
| Số điểm |  |  |  | **4,0** |  |  | **4,0** |
| Đọc hiểu văn bản | Số câu | 2 |  | 2 |  |  | 1 | 5 |
| Câu số | (1; 2) |  | (3; 4) |  |  | (5) |  |
| Số điểm | **1,0** |  | **1,0** |  |  | **1,0** | **3,0** |
| Kiến thức Tiếng Việt | Số câu | 2 | 1 |  | 2 |  | 1 | 6 |
| Câu số | (6; 7) | (8) |  | (9; 10) |  | (11) |  |
| Số điểm | **1,0** | **0,5** |  | **1,0** |  | **0,5** | **3,0** |
| Tập làm văn | Số câu |  |  |  | 1 |  |  | 1 |
| Số điểm |  |  |  | **10** |  |  | **10** |
| Tổng số câu | | **4** | **1** | **2** | **4** |  | **2** | **13** |
| Tổng số điểm | | **2,0** | **0,5** | **1,0** | **15,0** |  | **1,5** | **20,0** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG TIỂU HỌC BẠCH ĐẰNG**  Họ tên ....................................................  Lớp:..........SBD...................................... | | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  **Năm học: 2023 - 2024**  **Môn Tiếng Việt - Lớp 4**  *(Thời gian làm bài: 60 phút)* | | **Số phách** |
| .................................................................................................................................................. | | | | |
| **Điểm** | **Nhận xét của giáo viên**  ..................................................................................  .................................................................................. | | **Số phách** | |

**A. Kiểm tra đọc (10 điểm)**

**I. Kiểm tra đọc thành tiếng (4 điểm)**

+ HS đọc một đoạn văn ở các bài tập đọc đã học từ tuần 1 đến tuần 17 (3 điểm)

+ HS trả lời 1-2 câu hỏi về nội dung đoạn đọc do giáo viên nêu (1 điểm)

**II. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức Tiếng Việt (6 điểm)**

**1. Đọc thầm bài sau:**

**LẠC ĐÀ VÀ CHUỘT CỐNG**

Sáng hôm ấy, bác Lạc Đà chậm rãi đi một mình trên đường. Sợi dây thừng từ cổ bác thong xuống đất cả một khúc dài. Thấy vậy, Chuột Cống bên chạy đến. Nó cắn lấy sợi dây thừng, chạy lên trước Lạc Đà và vênh váo nói:

- Mọi người xem này, tôi có thể kéo theo một con Lạc Đà lớn!

Lạc Đà không nói gì, tiếp tục đi. Đến bờ sông, cả hai dừng lại, Lạc Đà bảo Chuột Cống:

- Này, Chuột Cống, anh qua sông trước đi!

Chuột Cống trả lời ra vẻ thản nhiên:

- Nhưng nước quá sâu.

Lạc Đà đi xuống sông, rồi gọi Chuột Cống:

- Anh yên tâm đi! Nước chỉ sâu tới đầu gối của tôi thôi.

Lúc này, Lạc Đà cười to:

- Bây giờ anh cũng biết nói sự thật rồi à? Lần sau đừng có ba hoa khoác lác nữa nhé!

*(Theo Truyện Ngụ Ngôn Thế Giới)*

**Câu 1. Chuột Cống làm gì và nói gì khi thấy Lạc Đà đi một mình trên đường? (M1) (0,5đ)**

A. Đuổi theo và cắn lấy dây thừng trên cổ Lạc Đà.

B. Cắn sợi dây thừng, chạy lên trước và huyênh hoang mình dắt được Lạc Đà.

C. Chạy lên trước và huyênh hoang là mình dắt được Lạc Đà.

D. Cắn sợi dây thừng để Lạc Đà kéo nó đi.

**Câu 2. Khi Chuột Cống bảo dắt Lạc Đà đi, thái độ của Lạc Đà như thế nào? (M1) (0,5đ)**

A. Lạc Đà tức giận, mắng Chuột Cống.

B. Lạc Đà không nghe thấy lời Chuột Cống nói.

C. Lạc Đà không đi với Chuột Cống nữa.

D. Lạc Đà coi như không có chuyện gì xảy ra.

**Câu 3. Tại sao Lạc Đà cười to? ? (M2) (0,5đ)**

A. Vì Chuột Công không thể qua sông được, phải nhờ Lạc Đà chở.

B. Vì Chuột Cống biết nói sự thật, không huyênh hoang nữa.

C. Vì sông cạn, nước sông chỉ tới đầu gối Lạc Đả.

D. Vì Chuột Cống bị đuối nước và khẩn khoản nhờ Lục Di cứu giúp.

**Câu 4. Qua câu chuyện, ta thấy bạn Chuột Cống là người? (M2) (0,5đ)**

A. Ba hoa, khoác lác B. Chăm chỉ, nhanh nhẹn

C. Tự kiêu, ích kỉ D. Hiền lành, thật thà

**Câu 5. Qua câu chuyện, tác giả muốn khuyên ta điều gì? (M3) (1đ)**

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

**Câu 6. Em hãy điền đúng (Đ) hoặc sai (S) vào các ô trống sau: (M1)(0,5đ)**

Trường tiểu học Xuân Hòa

Tổ chức Cứu trợ Trẻ em Việt Nam

Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh

**Câu 7: Trạng ngữ có trong câu: *“Sáng hôm ấy, bác Lạc Đà chậm rãi đi một mình trên đường.”* là : (M1) (0,5đ)**

A. Trạng ngữ chỉ thời gian. B. Trạng ngữ chỉ nơi chốn.

C. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân. D. Trạng ngữ chỉ mục đích.

E. Trạng ngữ chỉ phương tiện.

**Câu 8. Em hãy sử dụng dấu ngoặc đơn hay dấu ngoặc kép để đ**i**ền vào vị trí thích hợp trong câu sau: (M1) (0,5đ)**

a. Chim sâu còn gọi là chích bông là loài chim có ích cho nhà nông.

b.Cuốn sách Đất rừng phương Nam giúp tôi hiểu thêm vẻ đẹp của con người và vùng đất Nam Bộ.

**Câu 9. Xác định trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ trong các câu sau : (M2)(0,5đ)**

a) Nhờ sự giúp đỡ của cô giáo và các bạn, Hoa đã vượt lên đầu lớp.

………………………………………………………………………………………….

b) Bằng cú sút ngoạn mục, Quang Hải đã ghi bàn thắng mở tỉ số cho U23 Việt Nam.

………………………………………………………………………………………….

**Câu 10:** Tìm 2 từ ngữ có nghĩa giống với từ **quê hương**. Đặt câu với 1 từ tìm được. **(M2)(0,5đ)**

Tìm từ: ……………….....……………………………………………………………….

Đặt câu: ………………………………………………………………………………….

**Câu 11**.Đặt 1 câu vừa có trạng ngữ chỉ thời gian vừa có trạng ngữ chỉ nơi chốn và gạch chân dưới các trạng ngữ đó. **(M3) (0,5đ)**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**B. Kiểm tra viết (10 điểm)**

**Đề bài:** Em hãy tả một cây ăn quả (cây hoa hoặc cây bóng mát) mà em yêu thích.

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**…………………………………………………………………………………………….**

**BIỂU ĐIỂM VÀ ĐÁP ÁN MÔN TIẾNG VIỆT**

**A. Kiểm tra đọc (10 điểm)**

1. Kiểm tra đọc thành tiếng (4 điểm)

- Đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng) : 1,5 điểm

- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa : 1,5 điểm

- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc : 1 điểm

2. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra kiến thức Tiếng Việt (6 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 6 | 7 |
| **Đáp án** | B | D | B | A | S/ Đ /S | A |
| **Điểm** | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 | 0,5 |

**Câu 5. (1,0đ)** **HS nêu được:** Qua câu chuyện, tác giả muốn khuyên ta không được ba hoa, khoác lác...

**Câu 8. Em hãy sử dụng dấu ngoặc đơn hay dấu ngoặc kép để đ**i**ền vào vị trí thích hợp trong câu sau: (M1) (0,5đ)**

a. Chim sâu (còn gọi là chích bông) là loài chim có ích cho nhà nông.

b.Cuốn sách “Đất rừng phương Nam” giúp tôi hiểu thêm vẻ đẹp của con người và vùng đất Nam Bộ.

**Câu 9. Xác định trạng ngữ, chủ ngữ, vị ngữ trong các câu sau : (M2)(0,5đ)**

1. Nhờ sự giúp đỡ của cô giáo và các bạn, Hoa / đã vượt lên đầu lớp.

TN CN VN

b) Bằng cú sút ngoạn mục, Quang Hải / đã ghi bàn thắng mở tỉ số cho U23 Việt Nam.

TN CN VN

**Câu 10:** Tìm 2 từ ngữ có nghĩa giống với từ **quê hương**. Đặt câu với 1 từ tìm được. **(M2)(0,5đ)**

Tìm từ: **(0,25đ)** Quê mẹ, quê cha đất tổ, quê quán

Đặt câu: **(0,25đ)**… ………………………………………………………………….

**Câu 11**.Đặt 1 câu vừa có trạng ngữ chỉ thời gian vừa có trạng ngữ chỉ nơi chốn và gạch chân dưới các trạng ngữ đó. **(M3) (0,5đ)**

**B. Kiểm tra viết (10 điểm)**

**a - Yêu cầu:**

- Học sinh viết được bài văn tả cây cối với bố cục rõ ràng : dàn ý có đủ 3 phần gồm mở bài, thân bài, kết bài. (Khuyến khích những em biết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng)

- Dùng từ chính xác, biết dùng từ gợi tả, biết sử dụng các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa,… khi miêu tả, viết câu đúng ngữ pháp, đúng chính tả.

- Diễn đạt lưu loát.

- Chữ viết rõ ràng, trình bày bài viết sạch sẽ.

**b - Biểu điểm :**

\*Mở bài: 1,0 điểm: Giới thiệu về loài cây định tả.

\* Thân bài: 8,0 điểm: Cần tả được các ý chính sau:

* Tả bao quát vài nét về hình dáng, tầm vóc của cây.
* Tả các bộ phận của cây (thân, cành, lá hoa, quả hay hương thơm, mùi vị….), hay từng thời kỳ phát triển của cây...
* Biết tả thêm môi trường xung quanh (con người, chim chóc, thời tiết…)
* Ích lợi của cây….

\* Kết bài: 1,0 điểm: Cảm nghĩ của em về cây đã tả, cách chăm sóc cây…